



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán, Thuế, Tài chính doanh nghiệp, Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN CHUYÊN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	4-5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6-7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Phan Châu	Chủ tịch	Từ nhiệm ngày 15/07/2014
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên	Bổ nhiệm tạm thời từ 05/08/2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Tâm	Trưởng ban	
Bà Thái Hồng Vân	Thành viên	
Bà Phạm Thị Mai Huyền	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2014

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dư Hữu Danh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Huỳnh Thanh Diễm Trang.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KÝ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chạy máy và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Dư Hữu Danh
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2014

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng như mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận chuyên Sài Gòn Tourist tại ngày 30/06/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1496-2013-112-1

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số
1828-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30/06/2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.686.304.294	23.920.578.231
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.101.162.521	1.509.853.033
Tiền	111		2.101.162.521	1.509.853.033
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.331.345.305	18.369.372.370
Phải thu khách hàng	131		16.127.922.486	16.863.241.777
Trả trước cho người bán	132		3.170.585.279	3.487.211.113
Các khoản phải thu khác	135	5	21.738.679.630	21.263.333.941
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6	(23.705.842.090)	(23.244.414.461)
Hàng tồn kho	140	7	364.131.540	377.394.060
Hàng tồn kho	141		588.005.425	601.267.945
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(223.873.885)	(223.873.885)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.889.664.928	3.663.958.768
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.173.801.475	943.196.395
Thuế GTGT được khấu trừ	152		129.698.366	45.099.143
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	267.536.570	322.510.526
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	3.318.628.517	2.353.152.704
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.163.419.436	51.740.041.052
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		41.555.818.106	44.101.404.494
Tài sản cố định hữu hình	221	11	27.019.743.744	29.565.330.132
- Nguyên giá	222		54.611.190.470	54.611.190.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.591.446.726)	(25.045.860.338)
Tài sản cố định vô hình	227	12	13.750.000.000	13.750.000.000
- Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	786.074.362	786.074.362
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	80.016.000	3.080.016.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.876.016.000	8.876.016.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(5.796.000.000)	(5.796.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		6.527.585.330	4.558.620.558
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.285.011.786	314.733.748
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	1.570.101.744	1.571.415.010
Tài sản dài hạn khác	268	17	2.672.471.800	2.672.471.800
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		72.849.723.730	75.660.619.283

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		25.133.252.500	23.186.765.752
Nợ ngắn hạn	310		22.671.561.963	14.548.647.829
Vay và nợ ngắn hạn	311	18	7.358.286.960	887.400.000
Phải trả người bán	312		342.560.599	661.482.556
Người mua trả tiền trước	313		2.313.726.646	568.258.092
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	1.065.903.320	820.503.667
Phải trả người lao động	315		1.026.591.802	1.965.722.973
Chi phí phải trả	316	20	2.682.767.467	2.767.806.718
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	7.881.725.169	6.877.473.823
Nợ dài hạn	330		2.461.690.537	8.638.117.923
Phải trả dài hạn khác	333	22	1.919.247.350	2.085.699.350
Vay và nợ dài hạn	334		-	6.508.486.960
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		495.636.574	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		46.806.613	43.931.613
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		47.716.471.230	52.473.853.531
Vốn chủ sở hữu	410	23	47.716.471.230	52.473.853.531
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(34.335.707.523)	(29.578.325.222)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		72.849.723.730	75.660.619.283

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
Ngoại tệ các loại				
- USD			6.048,89	6.059,80

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2014



Tổng Giám đốc

Dư Hữu Danh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	33.315.187.202	44.226.377.448
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	33.315.187.202	44.226.377.448
Giá vốn hàng bán	11	25	31.880.656.623	41.282.804.157
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.434.530.579	2.943.573.291
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	137.956.639	398.267.510
Chi phí tài chính	22	27	466.479.482	664.221.300
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		466.479.482	656.250.000
Chi phí bán hàng	24	28	209.287.799	58.749.455
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	29	5.332.704.690	4.728.244.668
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.435.984.753)	(2.109.374.622)
Thu nhập khác	31	30	352.270.285	950.212.435
Chi phí khác	32	31	176.717.993	645.402.460
Lợi nhuận khác	40		175.552.292	304.809.975
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.260.432.461)	(1.804.564.647)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	4.018.445
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		496.949.840	(1.669.492)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(4.757.382.301)	(1.806.913.600)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		(4.757.382.301)	(1.806.913.600)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2014

Người lập / Kế toán trưởng



Huỳnh Thanh Diễm Trang



Dư Hữu Danh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013 đến
		đến 30/06/2014 VND	30/06/2013 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	(4.757.382.301)	(1.804.564.647)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	2	2.545.586.388	2.567.633.901
Các khoản dự phòng	3	461.427.629	-
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(1.218.261)	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(137.456.397)	(386.435.580)
Chi phí lãi vay	6	466.479.482	656.250.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	(1.422.563.460)	1.032.883.674
Tăng giảm các khoản phải thu	9	2.606.925.022	7.567.676.200
Tăng giảm hàng tồn kho	10	13.262.520	31.218.968
Tăng giảm các khoản phải trả	11	1.570.593.206	(9.430.897.719)
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(2.200.883.118)	(1.170.881.279)
Tiền lãi vay đã trả	13	(452.575.397)	(690.471.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.176.062)	(246.928.956)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	614.200.000	524.748.499
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(275.091.181)	(392.450.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	445.691.530	(2.775.101.916)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(295.450.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	614.545.456
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	187.456.397	177.561.954
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	187.456.397	496.657.410
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	850.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(887.600.000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.456.700)	(1.531.196.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40	(43.056.700)	(1.531.196.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	590.091.227	(3.809.641.371)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.509.853.033	9.782.714.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.218.261	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.101.102.521	5.973.073.493

Người lập / Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Diễm Trang



Dư Hữu Danh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist là doanh nghiệp được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Vận chuyển Sài Gòn Tourist, số ĐKKD: 301864, do trong tài kinh tế cấp ngày 28/04/1994. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/12/2004 (đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 28/02/2013).

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Công ty có trụ sở chính tại số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế, tour cyclo;
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà, dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi, san lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất, thiết kế tạo mẫu, dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phối, thép xây dựng, ống kim loại tôn, thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn - tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển, đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, phô mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không kinh doanh tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đào tạo nghề;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe./

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn

- Địa chỉ: Số 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%
- Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét với ý kiến ngoại trừ

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Vân

- Địa chỉ: Số 01 Đường 42, Phường 4, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 2.482.327.200 đồng
- Tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%
- Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist: 100%
- Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được soát xét với ý kiến chấp nhận toàn phần

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (doanh nghiệp) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014.

3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền một bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 3 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40
Máy móc thiết bị	10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư dài hạn là các khoản cho vay và các khoản đầu tư mua cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% nhằm thu lợi nhuận. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

3.8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9. GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo công văn số 227/CT-TTHT ngày 08/01/2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty được miễn thuế TNDN 2 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 7 năm kể từ năm 2007.

Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3 CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: Kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lữ hành, bảo vệ.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	508.273.635	299.843.973
Tiền gửi ngân hàng	1.592.888.886	1.210.009.060
Cộng	2.101.162.521	1.509.853.033

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	41.935.810	525.253.261
Bảo hiểm y tế	92.833.712	298.644.204
Bảo hiểm thất nghiệp	49.038.540	138.850.532
Công ty CP KD & PT Nhá An Nghiệp Phát	2.562.225.940	2.762.225.940
Phải thu bảo hiểm của lái xe taxi	605.837.007	287.903.271
Công ty CP Đầu tư Tài chính Đất Việt (1)	10.948.738.735	12.118.243.735
Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa (2)	370.000.000	370.000.000
Công ty TNHH TMDL Huyền Trang	3.331.040.000	-
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	45.600.000	45.600.000
Trung tâm xuất khẩu lao động	563.060.505	49.739.109
Công ty TNHH ĐT XD & PT CN Sài Việt	-	1.398.600.000
Công ty Cổ phần Tư vấn XD Kết Cấu Việt	-	18.000.000
Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang (3)	2.027.147.112	2.177.147.112
Lãi dự thu	15.166.667	398.228.889
Công ty CP XNK-Việt Tiệp	196.011.241	196.011.241
Chi nhánh Hà Nội	191.305.840	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Hoàng Hải Long	89.994.000	-
Phải thu khác	608.744.521	478.886.647
Cộng	21.738.679.630	21.263.333.941

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (TIẾP)

(1): Là khoản phải thu tiền hỗ trợ chi phí thuế mặt bằng liên quan đến Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 17/06/2010 cho dự án tại 99C Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. HCM giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt (Công ty Đất Việt).

Đến ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa thu đầy đủ tiền hỗ trợ theo đúng tiến độ thỏa thuận trong hợp đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản công nợ khó đòi này với giá trị lũy kế đến 30/6/2014 là: 8.282.556.233 đồng.

(2): Là khoản cho Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa (Vĩnh Đa) mượn theo Công văn số 120822/VD và Công văn số 230812/VD/KT từ tháng 8/2012, thời hạn từ 01 – 03 tháng. Đến ngày lập báo cáo này, Công ty chưa thu được gốc và lãi quá hạn. Công ty đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% cho khoản nợ phải thu khó đòi này.

(3): Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17-08/HĐHT/STC-PS ngày 07/04/2008 để đầu tư trung tâm giải trí dịch vụ văn hóa, văn phòng, phòng trưng bày sản phẩm và khu nhà hàng tại địa điểm 11C Sư Vạn Hạnh (nối dài), Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, theo biên bản họp ngày 11/05/2013, các bên đã thống nhất ngưng thực hiện dự án xây dựng công trình này. Công ty đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 30%.

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Công ty CP KD và PT nhà An Nghiệp Phát	2.762.225.940	2.762.225.940
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	8.651.291.232	7.320.419.281
Công ty XNK Việt Tiếp	1.402.467.418	1.600.615.657
Công ty CP Việt Nam Việt Nhật	278.036.475	278.036.475
Công ty Cổ phần ĐT Tài Chính Đất Việt	6.596.016.454	8.051.622.838
Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang	677.147.112	677.147.112
CTY TNHH ĐT PT Thú Thiêm	1.229.175.114	1.229.175.114
Công ty TNHH TM DV Toàn Giá Thịnh	345.973.347	345.973.347
Công ty CP Tâm Nhìn	138.900.000	138.900.000
Công ty TNHH Sắt Thép Vĩnh Đa	370.000.000	370.000.000
Công ty TNHH TM DV & XNK Nhật Việt	43.121.800	43.121.800
Tạm ứng người lao động của Công ty TNHH MTV DV BV Long Vân	296.319.327	-
Khác	915.167.871	427.176.897
Cộng	23.705.842.090	23.244.414.461

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. HÀNG TỒN KHO

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	424.297.319	439.769.029
Công cụ, dụng cụ	26.119.353	32.910.853
Hàng hoá	137.588.753	128.588.063
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	588.005.425	601.267.945
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(223.873.885)	(223.873.885)
Giá trị thuần có thể thực hiện hàng tồn kho	364.131.540	377.394.060

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí hội viên Radius	-	27.742.354
Chi phí bến bãi	133.980.000	-
Chi phí khám sức khoẻ	8.586.000	-
Chi phí trợ cấp thôi việc	263.469.273	287.473.273
Chi phí trang phục	186.189.456	140.929.000
Chi phí bảo hiểm xe	91.475.923	-
Chi phí vỏ ruột bình điện	338.024.627	283.902.907
Phân bổ CCDC	3.753.000	66.521.454
Chi phí sửa chữa xe	48.559.329	60.258.691
Khác	99.763.867	76.368.716
Cộng	1.173.801.475	943.196.395

9. THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	239.610.563	231.434.501
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	27.926.007	30.032.093
Thuế giá trị gia tăng	-	61.043.932
Cộng	267.536.570	322.510.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng nhân viên	2.520.428.517	1.530.839.304
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	798.200.000	822.313.400
<i>Trong đó:</i>		
+ Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	700.000.000	700.000.000
+ Khác	82.100.000	122.313.400
Cộng	3.318.628.517	2.353.152.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc	Phương tiện	Thiết bị	Tổng cộng
	vật kiến trúc VND	thiết bị VND	vận tải VND	dụng cụ quản lý VND	
NGUYỄN GIÀ					
Tại 01/01/2014	1.339.428.880	383.100.041	52.676.593.866	212.067.683	54.611.190.470
Tại 30/06/2014	1.339.428.880	383.100.041	52.676.593.866	212.067.683	54.611.190.470
HAO MÔN LỮ KẾ					
Tại 01/01/2014	1.065.284.295	301.798.763	23.763.780.321	(85.003,041)	25.045.860.338
- Khấu hao trong kỳ	4.283.508	6.040.002	2.533.346.344	1.716.534	2.545.586.388
Tại 30/06/2014	1.069.567.803	307.838.765	26.297.326.065	(83.286,507)	27.591.446.726
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	274.144.585	81.301.278	28.912.813.545	297.070.724	29.565.330.132
Tại 30/06/2014	269.861.077	75.261.276	26.379.267.201	295.354.190	27.019.743.744

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/06/2014 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.869.886.662 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 08/09/2003, thay đổi chủ được cấp nhật ngày 24/10/2008, khu đất có diện tích là 616,30 m². Tài sản này được dùng thế chấp tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh để đảm bảo cho Hợp đồng vay số 09.111001/HETD-TDH trình bày tại thuyết minh số 18.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tổng số chi phí XD/CB dở dang	786.074.362	786.074.362
Trong đó:		
- Chi phí đầu tư thiết kế dự án công trình văn phòng tại 106/781 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp, HCM	211.909.090	211.909.090
- Chi phí thiết kế và xin cấp phép xây dựng lại tòa nhà 25 Pasteur	477.636.363	477.636.363
- Chi phí sửa chữa nhà tại Nguyễn Kiệm	96.528.909	96.528.909

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại 30/06/2014		Tại 01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác		5.876.016.000		8.876.016.000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty CP ĐT Giải trí Phước Sang		-		-
Tập đoàn Radius	1	80.016.000	1	80.016.000
Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (1)		5.796.000.000		5.796.000.000
Công ty TNHH TM DL Huyền Trang (2)		-		3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.796.000.000)		(5.796.000.000)
Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương (1)		(5.796.000.000)		(5.796.000.000)
Tổng cộng		80.016.000		3.080.016.000

(1): Là khoản cho Công ty Cổ phần Ô tô Vận tải Vina Đông Dương vay theo hợp đồng số 64/11/HDV ngày 19/06/2011, thời hạn 48 tháng, lãi suất 15%/năm. Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản lãi nào từ hợp đồng cho vay này.

(2): Công ty TNHH MTV Thương Mại Du lịch Sài Gòn đầu tư vào Công ty TNHH TM DL Huyền Trang theo hợp đồng liên doanh khai thác ngày 01/08/2012 cùng khai thác khu du lịch Huyền Trang tại xã Thuận Quý, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận. Thời hạn hợp tác 02 năm kể từ ngày 01/08/2012 đến hết ngày 31/07/2014, lãi suất 18%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa nhà 25 Pasteur	39.300.000	45.300.000
Thiết kế xây dựng sân tập lái tại Củ Chi	44.321.590	65.321.591
Phí làm lễ đường, sân tập lái xe tại Củ Chi	135.500.000	156.500.000
Phí sửa chữa Công trình Lê Đức Thọ	2.025.778.294	36.080.440
Công cụ dụng cụ	40.111.902	11.531.717
Cộng	2.285.011.786	314.733.748

16. TÀI SẢN THUẾ HOÀN LẠI

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời	7.850.508.720	7.850.508.720
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh do hợp nhất	-	1.313.266
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.570.101.744	1.571.415.010

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Ký quỹ xuất khẩu lao động	100.000	100.000
Ký quỹ lãi hành nội địa	50.000.000	50.000.000
Ký quỹ lãi hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH MTVTMDV&XNK Nhất Việt	43.121.800	43.121.800
Công ty TNHH MTV TM & DV Huy Hoàng Hà	372.000.000	372.000.000
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH May Nam Phú	317.250.000	317.250.000
Công ty TNHH Du lịch Trần Việt	70.000.000	70.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	1.000.000.000	1.000.000.000
Trung tâm Thông tin Di động Khu vực 2	2.000.000	2.000.000
Công ty LD Hội chợ & Triển lãm Sài Gòn	20.000.000	20.000.000
Khác	48.000.000	48.000.000
Cộng	2.672.471.800	2.672.471.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn	750.000.000	-
- Vay cá nhân	750.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	6.608.286.960	887.400.000
- Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*)	6.608.286.960	887.400.000
Cộng	7.358.286.960	887.400.000

(*) Là khoản vay Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 09.111001/HĐTD-TDH ngày 02/10/2009 để mua 100 xe Toyota Vios 1.5E phục vụ cho kinh doanh dịch vụ taxi. Thời hạn vay là 5 năm từ ngày 02/10/2009 đến 05/10/2014. Lãi suất vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm tiền đồng Việt Nam có kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam cộng 3%/năm, mức lãi suất này được điều chỉnh vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm.

Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HĐTCTS ngày 10/12/2009, khoản vay trên được đảm bảo bằng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	343.289.479	172.564.826
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	433.176.482	433.176.482
Thuế thu nhập cá nhân	275.000	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	289.162.359	214.762.359
Cộng	1.065.903.320	820.503.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.904.085	-
Phí gửi xe khác	55.194.999	43.990.239
Phí gửi xe của An Thiện Nhân (1)	55.040.000	55.040.000
Phí kiểm toán	37.700.000	70.200.000
Thuê mặt bằng	-	24.800.000
Thuê mặt bằng của An Thiện Nhân (1)	760.400.000	760.400.000
Thuê mặt bằng tại Củ Chi (2)	240.000.000	200.000.000
Thuê quầy kệ của Toàn Gia Thịnh (3)	167.000.000	167.000.000
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu (4)	60.000.000	60.000.000
Thuê xe du lịch (5)	335.489.674	228.877.817
Chi phí xăng xe	77.378.887	100.340.499
Chi phí xuất khẩu lao động (6)	707.456.781	707.456.781
Chi phí lữ hành	148.676.244	256.857.291
Chi phí phải trả khác	24.526.797	92.844.091
Cộng	2.682.767.467	2.767.806.718

- (1) Trích trước tiền thuê mặt bằng và phí gửi xe từ tháng 04/2011 đến tháng 12/2011 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân
- (2) Trích trước tiền thuê mặt bằng tại Củ Chi để đào tạo lái xe cho cả năm 2012, năm 2013 và 6 tháng năm 2014
- (3) Tiền thuê quầy kệ 2 tháng năm 2010, cả năm 2011, năm 2012 và 6 tháng năm 2013
- (4) Trích trước phí tư vấn phát hành cổ phiếu (tư vấn tăng vốn đầu tư) vào cuối năm 2012, nhưng tư vấn chưa hoàn thành.
- (5) Trích trước chi phí thuê xe du lịch ngoài
- (6) Chi phí xuất khẩu lao động chưa thu hồi chứng từ, hồ sơ đầy đủ.

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	204.256.053	37.722.590
Bảo hiểm xã hội	210.107.011	-
Bảo hiểm y tế	107.593.220	-
Cổ tức phải trả	3.707.593.915	3.713.050.615
Trung tâm Xuất khẩu lao động	707.713.000	194.391.604
Phải trả tiền bảo hiểm của lái xe liên kết	316.365.033	254.341.046
Phải trả tiền vé máy bay Việt Nam Airline	245.614.681	-
Thủ lao Hội đồng Quản trị	615.000.000	517.600.000
Công ty CP ĐT và PT An Thiện Nhân	62.115.802	1.334.841.075
Khác	1.705.366.454	825.526.893
Cộng	7.881.725.169	6.877.473.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là hồ phần hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Nhận ký quỹ của Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	-	58.900.000
Nhận ký quỹ của Australian Trade Commission	19.500.000	19.500.000
Nhận ký quỹ của Văn phòng đại diện CN Quảng Ninh	5.000.000	5.000.000
Nhận ký quỹ của Công ty CP ĐT & PT An Thiện Nhân	150.000.000	150.000.000
Nhận ký quỹ của các tài xế lái xe du lịch và xe taxi	1.206.147.350	1.248.447.350
Ký quỹ xe ngoài Taxi	538.600.000	498.600.000
Ký quỹ đồng phục nhân viên bảo vệ	-	105.252.000
Cộng	1.919.247.350	2.085.699.350

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty đăng ký theo Giấy chứng nhận kinh doanh là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng), chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tình hình góp vốn của của Công ty như sau:

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Sắt Thép Vinh Đa	-	12.158.740.000
Ông Nguyễn Văn Hồng	13.158.740.000	-
Các cổ đông khác	43.556.320.000	44.556.320.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

23.2 CỔ PHIẾU

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

23.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại 01/01/2013	80.000.000.000	2.052.178.753			(12.592.578.613)	69.459.600.140	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(17.781.894.251)	(17.781.894.251)	
- Thù lao HĐQT năm 2010, 2011	-	-	-	-	(222.391.971)	(222.391.971)	
- Điều chỉnh do hợp nhất năm 2012	-	-	-	-	1.018.539.613	1.018.539.613	
Tại 31/12/2013	80.000.000.000	2.052.178.753			(29.578.325.222)	52.473.853.531	
Tại 01/01/2014	80.000.000.000	2.052.178.753			(29.578.325.222)	52.473.853.531	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(4.757.382.301)	(4.757.382.301)	
Tại 30/06/2014	80.000.000.000	2.052.178.753			(34.335.707.523)	47.716.471.230	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.315.187.202	44.226.377.448
Trong đó:		
+ Doanh thu taxi	11.824.768.606	11.706.416.883
+ Doanh thu xe du lịch thuê ngoài	6.455.855.579	3.899.219.969
+ Doanh thu khai thác dịch vụ du lịch	269.310.997	2.118.890.152
+ Doanh thu đảo tạo	1.079.655.909	1.901.170.364
+ Doanh thu lữ hành	6.808.632.903	17.644.664.968
+ Doanh thu sửa chữa	11.164.819	-
+ Doanh thu dịch vụ bảo vệ	6.865.798.389	6.956.015.112
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	33.315.187.202	44.226.377.448

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn taxi	11.898.236.703	11.710.312.513
Giá vốn xe du lịch thuê ngoài	5.823.301.990	3.237.098.688
Giá vốn khai thác dịch vụ du lịch	397.190.714	2.132.963.806
Giá vốn đảo tạo	1.315.227.583	1.768.315.743
Giá vốn lữ hành	5.905.299.781	16.352.210.155
Giá vốn dịch vụ bảo vệ	6.537.573.091	6.081.903.252
Giá vốn dịch vụ khác	3.826.761	-
Cộng	31.880.656.623	41.282.804.157

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi	136.738.378	173.267.510
Lãi đầu tư Công ty TNHH TMDL Huyền Trung	-	225.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.218.261	-
Cộng	137.956.639	398.267.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	454.540.982	656.250.000
Lãi tiền kỳ quỹ taxi	11.938.500	-
Chi phí tài chính khác	-	7.971.300
Cộng	466.479.482	664.221.300

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí dụng cụ và đồ dùng văn phòng	28.180.000	44.159.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.282.809	-
Chi phí khác bằng tiền	133.824.990	14.590.285
Cộng	209.287.799	58.749.455

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.734.939.210	2.797.807.019
Chi phí vật liệu quản lý	19.555.032	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.730.454	47.578.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.840.020	115.026.510
Thuế phí, lệ phí	81.946.926	25.604.640
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	461.427.629	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	611.569.877	398.191.632
Chi phí bằng tiền khác	1.310.695.542	1.344.036.605
Cộng	5.332.704.690	4.728.244.668

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	614.545.456
Thu tiền phạt chế tài taxi	42.348.777	-
Thu tiền phạt kỷ luật bảo vệ Long Văn	39.260.500	-
Tiền đồng phục, lương bỏ việc, tiền chụp hình	209.726.377	-
Thu nhập khác	60.934.631	335.666.979
Cộng	352.270.285	950.212.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thanh lý tài sản cố định	-	626.377.386
Chi phí liên quan đến thuê bến bãi tại nhà Ga quốc tế Tân Sơn Nhất	148.417.030	-
Chi phí khác	28.300.963	19.025.074
Cộng	176.717.993	645.402.460

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.8.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2014 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo đo thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2014 VND	30/06/2014 USD	30/06/2014 VND	30/06/2014 USD
Đô la Mỹ (USD)	-	-	128.861.520	6.048,89

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty có tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 30/06/2014 là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vô thời hạn tại số 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Sở Xây Dựng TP. Hồ Chí Minh cấp. Trị giá tài sản bảo đảm là 13.900.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản số 11.111007/BBĐGLTS ngày 29/07/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 09.111005/HDTCTS ngày 10/12/2009.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản tài chính đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30/06/2014.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được cam kết trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp, nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 30/06/2014	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	trở xuống	đến dưới 5 năm	
	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	7.358.286.960	-	7.358.286.960
Phải trả cho người bán	342.560.599	-	342.560.599
Chi phí phải trả	2.682.767.467	-	2.682.767.467
Các khoản phải trả khác	7.881.725.169	-	7.881.725.169
Công nợ tài chính khác	-	1.919.247.350	1.919.247.350
Cộng	18.265.340.195	1.919.247.350	20.184.587.545
Tại 01/01/2014	Từ 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
	trở xuống	đến dưới 5 năm	VND
	VND	VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ	887.400.000	6.508.486.960	7.395.886.960
Phải trả cho người bán	661.482.556	-	661.482.556
Chi phí phải trả	2.767.806.718	-	2.767.806.718
Các khoản phải trả khác	6.877.473.823	-	6.877.473.823
Công nợ tài chính khác	-	2.085.699.350	2.085.699.350
Cộng	11.194.163.097	8.594.186.310	19.788.349.407

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tại 30/06/2014	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.101.162.521	-	2.101.162.521
Phải thu khách hàng	6.447.152.950	-	6.447.152.950
Các khoản phải thu khác	11.076.522.882	-	11.076.522.882
Dầu tư dài hạn khác	-	80.016.000	80.016.000
Cộng	19.624.838.353	80.016.000	19.704.854.353

Tại 01/01/2014	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến dưới 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.509.853.033	-	1.509.853.033
Phải thu khách hàng	8.635.385.127	-	8.635.385.127
Các khoản phải thu khác	9.270.250.809	-	9.270.250.809
Dầu tư dài hạn khác	-	3.080.016.000	3.080.016.000
Cộng	19.415.488.969	3.080.016.000	22.495.504.969

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Kinh doanh taxi, xe du lịch, khai thác dịch vụ du lịch, đào tạo, lễ hành. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Công ty chỉ phát sinh doanh thu tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014

Doanh thu thuần từ bán hàng
Chi phí vận chuyển
Chi phí vận chuyển hàng hóa
Chi phí bộ phận

Chi phí quảng cáo kinh doanh theo bộ phận
Chi phí chi không phân bổ theo bộ phận
Chi phí nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Thu nhập khác
Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Taxi		Xe du lịch		Khất thác du lịch và du lịch		Đào tạo		Lữ hành		Sửa chữa		Dịch vụ bảo vệ		Khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	11.824.768.606	6.455.855.579	269.310.997	1.079.655.909	6.808.632.903	11.104.819	6.865.798.389	-	33.315.187.202									
	11.824.768.606	6.455.855.579	269.310.997	2.079.655.909	6.808.632.903	11.104.819	6.865.798.389	-	33.315.187.202									
	(11.898.236.703)	(5.823.303.990)	(397.190.714)	(1.315.227.583)	(5.905.209.781)	-	(6.537.573.091)	(5.826.761)	(31.880.656.623)									
	(73.468.097)	632.553.389	(127.879.717)	(235.571.674)	903.333.122	11.104.819	328.225.298	(3.826.761)	1.434.530.579									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.107.461.910)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	137.956.659									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(466.479.482)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	352.270.285									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(176.717.993)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(496.949.840)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.757.382.301)									

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Việc trình bày này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

Thành thu thuần từ bán hàng

Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và
các cấp dịch vụ
trừ phí bộ phận

Giá trị kinh doanh theo bộ phận

Giá trị phí không phân bổ theo bộ phận
từ nghiệp vụ hoạt động kinh doanh

Thành thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện
tại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn
tại

Giá trị thuần sau thuế thu nhập doanh
nghiệp

	Taxi		Xe du lịch		Khất thực dịch vụ du lịch		Đào tạo		Lữ hành		Sửa chữa		Dịch vụ bảo vệ		Khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	11.706.416.883	3.899.219.969	2.118.890.152	1.901.170.364	17.644.664.968	-	6.956.015.112	-	44.226.377.448									
	11.706.416.883	3.899.219.969	2.118.890.152	1.901.170.364	17.644.664.968	-	6.956.015.112	-	44.226.377.448									
	(11.710.312.513)	(3.2237.098.688)	(2.132.963.806)	(1.768.315.743)	(16.352.210.155)	-	(6.081.903.252)	-	(41.282.804.157)									
	(3.895.630)	662.121.281	(14.073.654)	132.856.621	1.292.454.813	-	874.111.860	-	2.943.573.291									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.786.994.123)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.843.420.832)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	398.267.510									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(664.221.300)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	950.212.433									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(645.402.460)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.018.445)									
	-	-	-	-	-	-	-	-	1.669.492									
	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.896.913.600)									

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 THU NHẬP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	78.000.000
Tổng thu nhập của Ban kiểm soát	73.236.000
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	204.582.000
Cộng	355.818.000

34.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty đã được soát xét.

Người lập / Kế toán trưởng

Huỳnh Thanh Diễm Trang

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2014



Tổng Giám đốc

Dư Hữu Danh

